

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 18

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thang Đức Thắng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 1/10/2010)
Ông Trương Đình Anh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 1/10/2010)
Bà Chu Thị Thanh Hà	Phó chủ tịch
Ông Lương Công Hiếu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/6/2010)
Ông Nguyễn Đắc Việt Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 6/4/2010)
Ông Phan Đức Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Lâm Phương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 6/4/2010)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đắc Việt Dũng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1/10/2010)
Ông Trương Đình Anh	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1/10/2010)
Ông Trương Đình Anh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10/6/2010)
Ông Lương Công Hiếu	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10/6/2010)
Ông Mai Xuân Khôi	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đắc Việt Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2011

Số: *3M* /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 18. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trần Thị Thúy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Quang Trung
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0733/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		152.198.165.867	45.246.920.167
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	115.611.280.941	43.259.067.922
1. Tiền	111		47.463.280.941	13.259.067.922
2. Các khoản tương đương tiền	112		68.148.000.000	30.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.456.800.892	960.842.997
1. Phải thu khách hàng	131		34.153.489.196	618.619.077
2. Trả trước cho người bán	132		160.103.685	339.542.120
3. Các khoản phải thu khác	135		160.243.011	2.681.800
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(17.035.000)	-
III. Hàng tồn kho	140		634.758.165	75.802.710
1. Hàng tồn kho	141		634.758.165	75.802.710
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.495.325.869	951.206.538
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.495.325.869	904.916.538
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	46.290.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		88.962.997.352	57.637.276.933
I. Tài sản cố định	220		61.960.688.435	42.770.618.377
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	56.594.684.646	18.403.987.480
- Nguyên giá	222		81.171.323.092	32.011.813.718
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.576.638.446)	(13.607.826.238)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	1.687.303.789	9.748.468.167
- Nguyên giá	228		21.342.237.814	23.844.787.952
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.654.934.025)	(14.096.319.785)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		3.678.700.000	14.618.162.730
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	2.400.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		-	2.400.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		27.002.308.917	12.466.658.556
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	20.813.796.420	9.153.214.537
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.261.209.498	1.799.244.019
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.927.302.999	1.514.200.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		241.161.163.219	102.884.197.100

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		85.721.150.739	52.705.012.148
I. Nợ ngắn hạn	310		72.641.652.992	45.460.439.118
1. Phải trả người bán	312		9.219.946.463	381.095.934
2. Người mua trả tiền trước	313		1.467.360.219	138.927.110
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	16.355.672.169	16.177.478.398
4. Phải trả người lao động	315		7.122.136.062	8.109.336.956
5. Chi phí phải trả	316		27.021.109.043	13.739.514.993
6. Phải trả nội bộ	317		8.959.291	6.527.020.052
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.861.697.981	277.810.376
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	10	9.584.771.764	109.255.299
II. Nợ dài hạn	330		13.079.497.747	7.244.573.030
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		34.659.760	47.596.956
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		13.044.837.987	7.196.976.074
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400	11	155.440.012.480	50.179.184.952
I. Vốn cổ đông	410		155.440.012.480	50.179.184.952
1. Vốn điều lệ	411		76.003.240.000	41.142.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.944.062.045	-
3. Cổ phiếu quỹ	414		(46.620.000)	(233.000.000)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		66.539.330.435	9.270.184.952
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		241.161.163.219	102.884.197.100



Nguyễn Đức Việt Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2011

Hồ Quốc Quân
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		419.793.235.504	201.784.374.715
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.381.897.822	891.918.000
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		417.411.337.682	200.892.456.715
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	13	208.125.142.331	85.582.976.324
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		209.286.195.351	115.309.480.391
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.984.974.443	4.135.137.252
7. Chi phí tài chính	22		702.437.551	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		40.666.667	-
8. Chi phí bán hàng	24		44.167.032.224	23.224.930.347
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		58.269.610.607	29.488.564.959
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(24+25))	30		110.132.089.412	66.731.122.337
11. Thu nhập khác	31		3.823.938.070	54.980.355
12. Chi phí khác	32		3.251.430.172	102.361.890
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		572.507.898	(47.381.535)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		110.704.597.310	66.683.740.802
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	14	28.994.663.780	12.917.545.123
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.363.451.471)	(1.799.244.019)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		83.073.385.001	55.565.439.698
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	15	15.287	13.470



Nguyễn Đức Việt Dũng
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2011

Hồ Quốc Quân
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số		
		2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	110.704.597.310	66.683.740.802
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	17.332.969.403	15.568.932.893
(Lãi) thanh lý tài sản cố định	04	(794.749.391)	(23.667.005)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.676.974.413)	(3.494.332.422)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	123.565.842.909	78.734.674.268
Giảm các khoản phải thu	09	20.950.280.594	797.838.431
Giảm hàng tồn kho	10	9.630.680.777	131.392.370
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	24.291.942.033	18.565.310.227
(Tăng) chi phí trả trước	12	(56.139.691)	(8.802.535.405)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(29.745.983.687)	(80.679.456)
Các khoản khác	15	(21.800.000)	(878.573.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	148.614.822.935	88.467.427.435
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(58.358.143.154)	(37.532.641.385)
2. Thu từ thanh lý tài sản	22	3.735.021.525	51.443.395
3. Tăng các khoản đầu tư dài hạn	25	-	(2.400.000.000)
4. Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư ngắn hạn	26	2.400.000.000	-
5. Lãi tiền gửi nhận được	27	3.676.974.413	3.494.332.422
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(48.546.147.216)	(36.386.865.568)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông	31	661.240.000	1.297.000.000
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(171.000.000)	(333.000.000)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(28.206.702.700)	(50.131.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(27.716.462.700)	(49.167.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	72.352.213.019	2.912.961.867
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	43.259.067.922	40.346.106.055
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	115.611.280.941	43.259.067.922



Nguyễn Đức Việt Dũng
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2011

Hồ Quốc Quân
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2007. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty sau đó đã được điều chỉnh 5 lần như sau:

Giấy Chứng nhận	4103007072	ngày 21 tháng 06 năm 2007
Đăng ký Kinh doanh số	4103007072	ngày 01 tháng 08 năm 2007
	4103007072	ngày 13 tháng 06 năm 2008
	4103007072	ngày 13 tháng 11 năm 2008
	0305045911	ngày 23 tháng 09 năm 2009
	0305045911	ngày 14 tháng 09 năm 2010

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT. Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Công ty Cổ phần FPT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2010 là 599 (31/12/2009: 261).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ viễn thông, dịch vụ quảng cáo trực tuyến, dịch vụ truy cập internet, dịch vụ truy cập dữ liệu, dịch vụ xử lý số liệu và thông tin trên mạng internet, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử; kinh doanh các trò chơi điện tử và các dịch vụ trực tuyến khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2010
	Số năm
Máy móc, thiết bị	3 - 5
Thiết bị văn phòng	1 - 3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm chi phí mua giấy phép kinh doanh trò chơi trực tuyến và phần mềm máy tính. Chi phí mua giấy phép và phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí bản quyền trả trước và các loại chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ bán thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi hàng năm được tạm trích với tỷ lệ khoảng 10% lợi nhuận thuần sau thuế và quyết định cuối cùng căn cứ vào phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tiền mặt	629.037.229	415.836.321
Tiền gửi ngân hàng	46.834.243.712	12.843.231.601
Các khoản tương đương tiền	68.148.000.000	30.000.000.000
	<u>115.611.280.941</u>	<u>43.259.067.922</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT408 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	-	32.011.813.718	32.011.813.718
Tăng trong năm	-	22.401.277.618	22.401.277.618
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	28.373.295.878	28.373.295.878
Tăng khác	2.391.923.221	4.789.663.516	7.181.586.737
Thanh lý, nhượng bán	-	(39.634.835)	(39.634.835)
Giảm khác	-	(8.757.016.024)	(8.757.016.024)
Tại ngày 31/12/2010	<u>2.391.923.221</u>	<u>78.779.399.871</u>	<u>81.171.323.092</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	-	13.607.826.238	13.607.826.238
Khấu hao trong năm	368.125.016	11.030.251.714	11.398.376.730
Tăng khác	1.037.701.759	1.904.648.958	2.942.350.717
Thanh lý, nhượng bán	-	(9.931.589)	(9.931.589)
Giảm khác	-	(3.361.983.650)	(3.361.983.650)
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.405.826.775</u>	<u>23.170.811.671</u>	<u>24.576.638.446</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	<u>986.096.446</u>	<u>55.608.588.200</u>	<u>56.594.684.646</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>-</u>	<u>18.403.987.480</u>	<u>18.403.987.480</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31/12/2010 bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 19.955.909.010 VND (31/12/2009: 1.192.509.995 VND).

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giấy phép VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	23.666.380.449	178.407.503	23.844.787.952
Tăng trong năm	-	68.250.000	68.250.000
Tăng khác	-	965.879.862	965.879.862
Thanh lý, nhượng bán	(3.536.680.000)	-	(3.536.680.000)
Tại ngày 31/12/2010	<u>20.129.700.449</u>	<u>1.212.537.365</u>	<u>21.342.237.814</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	13.957.634.322	138.685.463	14.096.319.785
Khấu hao trong năm	5.731.291.440	203.301.233	5.934.592.673
Tăng khác	-	250.132.679	250.132.679
Thanh lý, nhượng bán	(626.111.112)	-	(626.111.112)
Tại ngày 31/12/2010	<u>19.062.814.650</u>	<u>592.119.375</u>	<u>19.654.934.025</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.066.885.799</u>	<u>620.417.990</u>	<u>1.687.303.789</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>9.708.746.127</u>	<u>39.722.040</u>	<u>9.748.468.167</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT408 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	9.153.214.537	783.688.635
Tăng	27.821.267.765	9.297.382.657
Phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh	(16.160.685.882)	(927.856.755)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>20.813.796.420</u>	<u>9.153.214.537</u>

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.615.738.350	1.706.826.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.080.054.769	11.865.046.556
Thuế thu nhập cá nhân	903.324.940	914.653.912
Các loại thuế khác	756.554.110	1.690.951.457
	<u>16.355.672.169</u>	<u>16.177.478.398</u>

10. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế với số tiền là 9.497.316.465 VND theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 20 tháng 1 năm 2011 và theo Điều lệ của Công ty. Việc phân chia quỹ này cũng như phương án phân chia lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 dự kiến sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong 6 tháng đầu năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. VỐN CỔ ĐÔNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, các cổ đông của Công ty bao gồm:

Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần FPT	1.185.000	15,59%	11.850.000.000
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	4.445.000	58,48%	44.450.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư	788.749	10,38%	7.887.490.000
Cổ đông ưu đãi	924.000	12,16%	9.240.000.000
Cổ đông phổ thông khác	257.575	3,39%	2.575.750.000
	7.600.324	100,00%	76.003.240.000

Tình hình biến động vốn cổ đông trong năm như sau:

	Thặng dư vốn cổ phần		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	Vốn điều lệ VND	VND	Cổ phiếu quỹ VND	VND	
Số dư tại ngày 1/1/2009	40.650.000.000	-	(705.000.000)	9.398.043.381	49.343.043.381
Phát hành cổ phiếu	492.000.000	-	805.000.000	-	1.297.000.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(333.000.000)	-	(333.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	55.565.439.698	55.565.439.698
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(5.520.867.519)	(5.520.867.519)
Cổ tức	-	-	-	(50.131.600.000)	(50.131.600.000)
Giảm khác	-	-	-	(40.830.608)	(40.830.608)
Số dư tại ngày 1/1/2010	41.142.000.000	-	(233.000.000)	9.270.184.952	50.179.184.952
Phát hành cổ phiếu	34.861.240.000	12.944.062.045	357.380.000	-	48.162.682.045
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(171.000.000)	-	(171.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	83.073.385.001	83.073.385.001
Tặng khác	-	-	-	11.899.779.647	11.899.779.647
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	(9.497.316.465)	(9.497.316.465)
Cổ tức	-	-	-	(28.206.702.700)	(28.206.702.700)
Số dư tại ngày 31/12/2010	76.003.240.000	12.944.062.045	(46.620.000)	66.539.330.435	155.440.012.480

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 6 tháng 4 năm 2010, Công ty đã phát hành thêm 3.486.124 cổ phiếu theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, trong đó 270.000 cổ phiếu để mua lại 90% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Visky; 3.150.000 cổ phiếu để mua lại 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Truyền thông FPT từ Công ty Cổ phần Viễn thông FPT. Đồng thời, Công ty phát hành thêm 37.224 cổ phiếu phổ thông và 28.900 cổ phiếu ưu đãi theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên có đủ điều kiện.

Theo quyết định của Hội đồng Quản trị ngày 8 tháng 10 năm 2010, Công ty phát hành cổ phiếu ưu đãi cho nhân viên lấy từ nguồn cổ phiếu quỹ 35.738 cổ phiếu theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Trong năm, Công ty đã mua lại 17.100 cổ phiếu ưu đãi của cán bộ công nhân viên nghỉ việc theo Điều lệ của Công ty.

Theo hợp đồng sáp nhập giữa Công ty và Công ty Cổ phần Visky, Công ty phát hành 270.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu để mua lại 90% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Visky. Giá trị hợp lý của cổ phiếu phát hành tính bằng giá trị tài sản thuần của Công ty Cổ phần Visky tại thời điểm hợp nhất kinh doanh. Thặng dư vốn cổ phần phát sinh từ hợp nhất kinh doanh là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu lớn hơn mệnh giá phát hành với số tiền 12.944.062.045 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. VỐN CỔ ĐÔNG (Tiếp theo)

Theo hợp đồng mua bán giữa Công ty và Công ty Cổ phần Viễn thông FPT ký ngày 1 tháng 5 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Truyền thông FPT bắt đầu từ tháng 5 sẽ thuộc về Công ty. Biến động tăng khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền 11.899.779.647 VND là phần lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty TNHH Truyền thông FPT trong tháng 5 và tháng 6 năm 2010 được chuyển trả từ Công ty Cổ phần Viễn thông FPT (Công ty mẹ của Công ty TNHH Truyền thông FPT trước khi hợp nhất).

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty:

	2010		2009	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	7.600.324	76.003.240.000	4.114.200	41.142.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	6.676.324	66.763.240.000	3.219.100	32.191.000.000
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	924.000	9.240.000.000	895.100	8.951.000.000
	7.600.324	76.003.240.000	4.114.200	41.142.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	(4.662)	(46.620.000)	(23.300)	(233.000.000)
	(4.662)	(46.620.000)	(23.300)	(233.000.000)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	6.676.324	66.763.240.000	3.219.100	32.191.000.000
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	919.338	9.193.380.000	871.800	8.718.000.000
	7.595.662	75.956.620.000	4.090.900	40.909.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cổ phiếu quỹ phản ánh số cổ phiếu mua lại từ những nhân viên cũ không còn làm việc tại Công ty.

Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 VND. Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phiếu này không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày phát hành.

12. CỔ TỨC

Dại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết ngày 06 tháng 4 năm 2010 về việc chia phần cổ tức còn lại của năm 2009 với trị giá 9.216.797.700 VND (tương ứng 2.253 VND/cổ phiếu). Ngày 15 tháng 12 năm 2010, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 với trị giá 18.989.905.000 VND (tương ứng 2.500 VND/cổ phiếu) cho các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2010	2009
	VND	VND
Chi phí cước đường truyền	19.817.861.663	6.744.840.753
Phí bán quyền	82.574.124.978	53.740.071.689
Chi phí khấu hao	20.303.085.949	13.440.541.032
Chi phí nhạc số	336.537.000	6.927.151.775
Chi phí in thẻ gate	1.255.758.710	1.125.824.670
Chi phí thẻ game khác mua ngoài	55.040.240.726	-
Chi phí dịch vụ SMS	9.891.913.061	3.139.245.690
Chi phí dịch vụ thanh toán qua thẻ khác	7.556.552.826	-
Chi phí dịch vụ quảng cáo	8.744.921.912	-
Chi phí khác	2.604.145.506	465.300.715
	208.125.142.331	85.582.976.324

14. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2010	2009
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	110.704.597.310	66.683.740.802
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		*
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		
Phân bổ từ doanh thu chưa thực hiện năm trước	(2.582.976.612)	-
Thu nhập không chịu thuế	(245.921.388)	(66.173.318)
Cộng:		
Doanh thu dịch vụ nhận trước đã xuất hóa đơn	8.036.782.494	7.196.976.074
Chi phí không hợp lý	66.173.318	-
Thu nhập chịu thuế	115.978.655.122	73.814.543.558
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.994.663.780	18.453.635.890
Giảm thuế theo thông tư số 03/2009/TT-BTC	-	5.536.090.767
	28.994.663.780	12.917.545.123

15. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, cụ thể như sau:

Lợi nhuận

	2010	2009
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	83.073.385.001	55.565.439.698
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	83.073.385.001	55.565.439.698

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)

Số cổ phiếu

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5,434.422	4.125.037

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.287	13.470

16. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	11.846.485.330	6.841.009.566

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	15.431.768.539	7.234.078.500
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	51.655.653.692	30.228.880.000
Trên năm năm	<u>25.527.435.500</u>	<u>29.198.977.500</u>
	<u>92.614.857.731</u>	<u>66.661.936.000</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Số tiền thuê nhà tại 408 Điện Biên Phủ, quận 10, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê nhà số 02FPT/2008/HĐTN với thời hạn 10 năm từ ngày 15/10/2008 đến 15/10/2018 với tiền thuê nhà trong năm thứ nhất là 30.000 USD/tháng, năm thứ 2 là 32.000 USD/tháng, từ năm thứ 3 đến năm thứ 5 là 35.000 USD/tháng, từ năm thứ 6 tăng giảm tùy theo tình hình thị trường nhưng tăng không quá 15% tiền thuê nhà của năm thứ 5.
- Số tiền thuê nhà tại 38 Vũ Ngọc Phan, Đống Đa, Hà Nội theo Hợp đồng thuê nhà số SH/HĐTN/03/FPT-FO với thời hạn 3 năm từ ngày 05/05/2008 đến 04/05/2011 với tiền thuê nhà 1 tháng là 22.000.000 VND.
- Số tiền thuê nhà tại Tầng 3 Hà Thành Plaza, Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội theo Hợp đồng thuê nhà số 18/HĐ-TVP/2010 với thời hạn 3 năm từ ngày 5/5/2010 đến 4/5/2013 với tiền thuê nhà trong năm thứ nhất là 10.988 USD/tháng, từ năm thứ 2 hàng năm sẽ có thỏa thuận lại giá thuê giữa 2 bên nhưng điều chỉnh tăng, giảm không vượt quá 15% giá thuê năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT408 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

- Số tiền thuê nhà tại Tầng 4 Hà Thành Plaza, Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội theo Hợp đồng thuê nhà số 66/HĐ-TVP/2009 với thời hạn 5 năm từ ngày 28/8/2009 đến 27/8/2014. Trong 2 năm đầu, tiền thuê mỗi tháng là 14.310 USD/tháng, từ năm thứ 3 hàng năm sẽ có thỏa thuận lại giá thuê giữa 2 bên nhưng điều chỉnh tăng, giảm không vượt quá 15% giá thuê năm trước.
- Số tiền thuê nhà tại Khu chế xuất Tân Thuận theo Hợp đồng thuê số 01-2010/TANTHUAN-FTEL với thời gian thuê từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2012; tiền thuê hàng tháng là 5.814 USD/tháng và không thay đổi suốt thời hạn hợp đồng.

17. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>2010</u>	<u>2009</u>
	VND	VND
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	25.746.249.556	231.450.116
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	16.778.558.988	2.493.300.731
Công ty TNHH Dữ liệu Trực tuyến FPT	-	2.041.000.000
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	22.329.130.625	3.458.659.260
Trả cổ tức		
Công ty Cổ phần FPT	7.097.252.500	11.808.000.000
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	13.635.860.000	13.776.000.000
Số dư với các bên liên quan:		
	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	13.109.262.896	3.460.000
Công ty Cổ phần FPT	447.972.222	-
Công ty TNHH Phân phối FPT	11.385.000	-
Công ty TNHH Truyền thông giải trí FPT	154.076.625	-
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	6.320.127	325.736.918
Công ty TNHH Viễn thông FPT Miền Nam	-	29.758.135
Công ty TNHH MTV Viễn thông Quốc tế FPT	-	699.600.000
Công ty TNHH Phân phối Công nghệ Thông tin FPT	-	5.089.860.554
Công ty Cổ phần Elead	-	382.064.445
Các khoản cho vay kỳ hạn 1 tháng		
Công ty Cổ phần FPT	63.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT

408 Điện Biên Phủ, phường 11, quận 10,
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

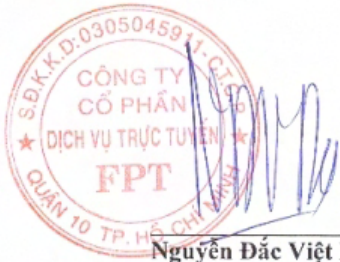
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo thông báo của Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 1 năm 2011, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chi cho nhân viên từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền là 7.840.707.095 VND.

19. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



Nguyễn Đắc Việt Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2011

A blue ink signature, likely belonging to Hồ Quốc Quân, the Chief Accountant.

Hồ Quốc Quân
Kế toán trưởng